

## NỘI DUNG SO SÁNH CỦA THÀNH NGỮ SO SÁNH TIẾNG VIỆT

**ĐẶNG NGUYỄN GIANG\***

**Abstract:** Comparative idioms are regarded as a popular idiom type in Vietnamese. They are realized by three component parts, namely contents of comparison, objects compared and connectors of comparison, in which the objects compared are the symbolic images making the contents of comparison explicit. The article presents the survey results of contents of comparative idioms in Vietnamese, including close and open ones. The idiomatic properties of forms and meanings of each comparison content type are also described and analyzed in this article.

**Key words:** *comparative idioms, contents of comparison, objects compared, connectors of comparison.*

### 1. Mở đầu

Thành ngữ không phải là đề tài nghiên cứu mới nhưng chưa bao giờ cũ. Nghiên cứu thành ngữ vẫn đang thu hút sự quan tâm của nhiều nhà ngôn ngữ học. Hoàng Văn Hành [4] cho rằng ở Việt Nam có ba hướng tiếp cận trong nghiên cứu thành ngữ: tâm nguyên, đồng đại và phân tích so sánh, đối chiếu. Nghiên cứu thành ngữ theo hướng tâm nguyên tập trung vào sự hình thành và biến đổi của từng thành ngữ trong quá trình tồn tại của nó. Đó là công việc khó khăn, mất nhiều thời gian và sức lực. Phương pháp chủ yếu được sử dụng trong các nghiên cứu này là phương pháp phục nguyên, tức là nguồn gốc của thành ngữ được khôi phục để làm cho hình thái và nghĩa của thành ngữ trở nên tường minh. Hoàng Văn Hành [3] và Tiêu Hà Minh [7] là hai tác giả tiêu biểu có công trình nghiên cứu thành ngữ theo hướng tiếp cận này. Cách tiếp cận thứ hai trong nghiên cứu thành ngữ là hướng tiếp cận đồng đại. Phương pháp mô tả được sử dụng trong các nghiên cứu này để phân nào giải thích các yếu tố văn hóa ẩn sau các thành ngữ. Lĩnh vực nghiên cứu này thu hút nhiều tác giả như Trương Đông San [9], Bùi Khắc Việt [10], Hoàng Văn Hành [4], Đặng Nguyễn Giang [2]... Nghiên cứu thành ngữ theo hướng so sánh tương phản và dùng phương pháp so sánh đối chiếu là hướng tiếp cận thứ ba. Hướng nghiên cứu này tìm ra sự tương đồng và khác biệt giữa ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích ở một phạm vi và bình diện nào đó của thành ngữ. Các tác giả nghiên cứu thành ngữ theo hướng này chủ yếu có chuyên ngành ngoại ngữ như Trần Thị Lan [5], Nguyễn Văn Trào [12], Đặng Nguyễn Giang [11]...

Thành ngữ so sánh là một trong ba loại thành ngữ (theo cách phân loại của Hoàng Văn Hành [4]) được nghiên cứu chủ yếu về mặt cấu tạo và mối quan hệ nghĩa giữa các thành tố cấu thành ([1], [4], [11]...). Tác giả Trần Thị Lan [5] và Hà Quang Năng [8] đã có công trình nghiên cứu về đối tượng so sánh của thành ngữ so sánh. Qua việc thống kê và phân tích, các tác giả đã làm nổi bật được hình ảnh biểu trưng của thành ngữ so sánh tiếng Việt thông qua đối tượng so sánh. Nội dung so sánh là phần chính của thành ngữ so sánh; tuy nhiên, cho tới nay, chưa có công trình nghiên cứu nào khảo sát và đánh giá về nội dung này một cách hệ thống và chuyên biệt.

### 2. Nhận diện thành ngữ so sánh

Hoàng Văn Hành [4, tr.101] cho rằng thành ngữ so sánh là một tổ hợp từ bền vững, bắt nguồn từ phép so sánh, với nghĩa biểu trưng, kiểu *rách như tổ đĩa, khỏe như vâm, như cá nằm trên thớt, nhảy như chọi chọi...* Về mặt cấu trúc, thành ngữ so sánh giống với phép so sánh thông thường; tuy nhiên, chúng cũng có một vài điểm khác nhau. Phép so sánh thông thường đề cập đến hai người hay hai vật thuộc cùng một phạm trù để chỉ mức độ giống và khác nhau. Thành ngữ so sánh đề cập đến hai người hay hai vật thuộc các phạm trù khác nhau để nhấn mạnh hoặc phóng đại những đặc điểm nhất định. Ví dụ, *Lan đẹp như chị gái của cô ấy* là phép so sánh thông thường bởi vì đề cập đến hai người thuộc cùng một phạm trù. Lan đẹp và chị gái của cô ấy cũng đẹp, và chúng ta không biết được mức độ đẹp như thế nào. Tuy nhiên,

\* Trường Đại học Lao động - Xã hội.

*Lan đẹp như tiên* là ví dụ của phép so sánh thành ngữ, so sánh về đẹp của Lan với về đẹp của “nàng tiên”. Chúng ta biết được mức độ đẹp của Lan nhờ vào hình ảnh biểu trưng của một “nàng tiên”.

Như vậy, thành ngữ so sánh là thành ngữ bao gồm ba thành phần: nội dung so sánh, đối tượng so sánh và phương tiện so sánh, trong đó đối tượng so sánh là hình ảnh biểu trưng làm tường minh nội dung so sánh. Trong thành ngữ *đen như cột nhà cháy*, *đen* là nội dung so sánh, *cột nhà cháy* là đối tượng so sánh, và *như* là phương tiện so sánh. Đối tượng so sánh *cột nhà cháy* là hình ảnh biểu trưng làm tường minh mức độ của nội dung so sánh *đen*. *Như* có thể là giới từ (*xanh như tàu lá*) hoặc liên từ (*lừ đừ như ông Từ vào đến*). Dù là giới từ hay liên từ thì *như* vẫn đóng vai trò là phương tiện liên kết so sánh nên được gọi chung là kết từ. Ngoài phương tiện so sánh *như*, một số phương tiện so sánh khác cũng xuất hiện trong khối liệu được khảo sát như *tày (gương tày liếp)*, *bằng (bé bằng con kiến)*, *tựa (nhẹ tựa hồng mao)*, *không bằng (lệnh ông không bằng công bà)*, *cũng bằng (hai đám cũng bằng một đạp)*.

Ở một số trường hợp, phương tiện so sánh *như* có thể xuất hiện trong thành ngữ hoặc không: *trẻ (như) măng, đen (như) thui, tức (như) lòn con người, tức (như) lộn ruột, tức (như) nổ mắt, tức (như) nổ ruột...* Khi phương tiện so sánh không xuất hiện, một số thành ngữ có xu hướng chuyển thành tính từ hoặc cụm tính từ: *trẻ măng, đen thui...*

### 3. Nội dung so sánh

Để tiến hành nghiên cứu, chúng tôi đã khảo sát hơn 4.000 thành ngữ từ các cuốn từ điển thành ngữ khác nhau (xem Ngữ liệu khảo sát), và thu được 745 thành ngữ so sánh, trong đó có 632 thành ngữ có nội dung so sánh đóng (84,8%) và 113 thành ngữ có nội dung so sánh mở (15,2%). Như đã trình bày, thành ngữ so sánh gồm ba thành phần: nội dung so sánh, đối tượng so sánh và phương tiện so sánh. Nội dung so sánh xuất hiện đồng thời với đối tượng so sánh và phương tiện so sánh gọi là nội dung so sánh đóng; nội dung so sánh không xuất hiện với đối tượng so sánh và phương tiện so sánh gọi là nội dung so sánh mở.

#### 3.1. Nội dung so sánh đóng

Nội dung so sánh đóng là nội dung so sánh hiển ngôn. Tức là, nội dung so sánh xuất hiện đồng thời với đối tượng so sánh và phương tiện so sánh. Thành ngữ *béo tròn như cối xay* cho thấy nội dung so sánh *béo tròn* xuất hiện đồng thời với đối tượng so sánh *cối xay* và phương tiện so sánh *như*. Trong thành ngữ này, nội dung so sánh *béo tròn* là duy nhất và không thể thay thế bằng nội dung khác. Nội dung so sánh đóng có thể được biểu đạt bằng tính từ/cụm tính từ, hoặc động từ/cụm động từ, hoặc danh từ/cụm danh từ. Kết quả khảo sát được thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1. Phân loại nội dung so sánh đóng theo từng đơn vị biểu đạt

| TT | Nội dung so sánh đóng   | Số lượng thành ngữ | Tỉ lệ %    | Ví dụ  |
|----|---|--------------------|------------|--|
| 1  | Nội dung so sánh đóng được biểu đạt bằng tính từ hoặc cụm tính từ | 367                | 58,07      | <i>ác như hùm; béo tròn như cối xay; chán ngán như cơm nếp nát; đau như hoạn; gầy như con mấm; ...</i> |
| 2  | Nội dung so sánh đóng được biểu đạt bằng động từ hoặc cụm động từ | 213                | 33,70      | <i>bám như đĩa; đuổi như đuổi tà; đứng ngây như phỗng; giết người như ngóc khóe như mưa; ...</i>       |
| 3  | Nội dung so sánh đóng được biểu đạt bằng danh từ hoặc cụm danh từ | 52                 | 8,23       | <i>bụng như mở cờ; chảy rận như sung; mắt sắc như dao cau; tiền của như nước; tội tày trời; ...</i>    |
|    | <b>Tổng</b>   | <b>632</b>         | <b>100</b> |  |

Bảng 1 cho thấy nội dung so sánh đóng của thành ngữ so sánh tiếng Việt được biểu đạt bằng tính từ hoặc cụm tính từ chiếm số lượng lớn nhất (58,07%), tiếp theo là động từ hoặc cụm động từ (33,70%), và chiếm số lượng ít nhất là danh từ hoặc cụm danh từ (8,23%). Như vậy, có thể thấy người Việt thường

nhằm đến nội dung so sánh được biểu đạt bằng tính từ hoặc động từ vì chúng là những đơn vị ngôn ngữ có khả năng biểu đạt cao nhất.

Bảng 2. Số lượng nội dung so sánh đống và tỉ lệ trung bình thể hiện qua thành ngữ

| TT | Nội dung so sánh đống   | Số lượng nội dung so sánh đống | Tỉ lệ trung bình thể hiện qua thành ngữ |
|----|---|--------------------------------|---|
| 1  | Nội dung so sánh đống được biểu đạt bằng tính từ hoặc cụm tính từ | 161                            | 2,27                                    |
| 2  | Nội dung so sánh đống được biểu đạt bằng động từ hoặc cụm động từ | 106                            | 2,02                                    |
| 3  | Nội dung so sánh đống được biểu đạt bằng danh từ hoặc cụm danh từ | 43                             | 1,2                                     |
|    | <b>Tổng</b>   | <b>310</b>                     | <b>2,04</b>                             |

Kết quả khảo sát từ Bảng 2 cho thấy số lượng nội dung so sánh đống thể hiện qua thành ngữ là 310 nội dung và có tỉ lệ trung bình là 2,04 thành ngữ. Nội dung so sánh đống được biểu đạt bằng tính từ hoặc cụm tính từ chiếm số lượng lớn nhất (161 nội dung) và số lượng ít nhất là nội dung so sánh đống được biểu đạt bằng danh từ hoặc cụm danh từ (43 nội dung). Nội dung so sánh đống được biểu đạt bằng động từ hoặc cụm động từ cũng chiếm số lượng khá lớn (106 nội dung), đứng thứ 2 sau nội dung so sánh đống được biểu đạt bằng tính từ hoặc cụm tính từ.

### 3.1.1. Nội dung so sánh đống được biểu đạt bằng tính từ hoặc cụm tính từ

Như chúng ta đã biết, tính từ là một trong những đơn vị ngôn ngữ có khả năng biểu đạt cao nhất. Chúng có khả năng gợi hình ảnh, gợi cảm xúc ở mức độ khác nhau, và thường dùng để miêu tả đặc điểm hoặc tính chất của sự vật, hiện tượng, trạng thái, con người. Trong khối liệu khảo sát, nội dung so sánh chủ yếu được biểu đạt bằng tính từ và chỉ một số ít nội dung so sánh được biểu đạt bằng cụm tính từ như *béo tròn trong béo tròn như cối xay; nghệt mặt trong nghệt mặt như ngỗng ia; tái xanh trong tái xanh như chàm đỏ...* Trong thành ngữ so sánh, cụm tính từ có chức năng như tính từ nên chúng tôi tạm gọi chung là tính từ.

Nội dung so sánh đống của thành ngữ so sánh có thể được biểu đạt bằng nhiều loại tính từ khác nhau:

- Tính từ chỉ màu sắc: *đen như củ tam thất, đỏ như son, trắng như bông...*
- Tính từ chỉ kích thước: *cao như sếu vườn, mỏng như lá lúa, to như hộ pháp...*
- Tính từ chỉ hương vị: *cay như ớt, đắng như ngậm bồ hòn, ngọt như mật ong...*
- Tính từ chỉ mức độ, cách thức: *nhanch như sóc, chậm như sên, nhạt như nước ốc, chòng chành như nỏn không quai, hùng hục như trâu húc mã...*
- Tính từ chỉ lượng: *vặng như chùa bà Đanh, đông như chày hội, nặng như đá...*
- Tính từ chỉ hình dáng: *tròn như hạt mít, thẳng như kẻ chỉ, lùn như cái nắm rạ...*
- Tính từ chỉ phẩm chất: *nhát như cày, ác như hùm, gan như cóc tía...*
- Tính từ chỉ âm thanh: *âm âm như chợ vỡ, âm oái như hai gái lấy một chồng, im lặng như tờ, lạch bạch như vịt bầu...*
- Tính từ chỉ tuổi tác: *trẻ như măng*

Chúng tôi đã khảo sát 366 thành ngữ so sánh có nội dung so sánh đống được biểu đạt bằng tính từ hoặc cụm tính từ. Kết quả khảo sát cho thấy có 161 nội dung so sánh đống được thể hiện thông qua 366 thành ngữ. Như vậy, có những nội dung chỉ được thể hiện qua một thành ngữ như *uớt trong uớt như chuột lột*; có những nội dung được thể hiện qua hai thành ngữ như *sướng trongướng như tiên* và *sướng như vua*; và thậm chí có những nội dung được thể hiện thông qua mười thành ngữ như *đen trong đen như bồ hóng, đen như cột nhà cháy, đen như củ súng, đen như đồng hun, đen như củ tam thất, đen như mực tàu,*

*đen như nhung, đen như quạ, đen như than, và đen (như) thui.* Theo tỉ lệ trung bình, mỗi một nội dung so sánh được biểu đạt bằng tính từ hoặc cụm tính từ sẽ được thể hiện thông qua 2,27 thành ngữ.

Nội dung so sánh đóng của các thành ngữ được biểu đạt bằng tính từ hoặc cụm tính từ nên cũng mang các đặc điểm của tính từ như tính đồng nghĩa, đa nghĩa. Một nội dung có thể được biểu đạt bằng hơn một tính từ hoặc cụm tính từ đồng nghĩa như *bằng chân* và *binh chân* trong *bằng chân như vại* và *binh chân như vại*. Một tính từ hoặc cụm tính từ có thể mang những nội dung khác nhau. Ví dụ, *đen* trong *đen như bồ hóng, đen như cột nhà cháy, đen như củ sừng, đen như đồng hun, đen như củ tam thất...* chỉ màu sắc và khi nội dung này xuất hiện trong các thành ngữ sẽ mang nghĩa màu đen ở mức độ khác nhau; tuy nhiên, *đen* trong *đen như chó* lại mang nội dung khác: điều không may mắn. Trong nghiên cứu này những thành ngữ mang nhiều hơn một ý vẫn được xếp vào một nội dung vì chỉ được thể hiện qua một thành ngữ. Tức là một nội dung nhưng mang nhiều ý khác nhau. Ví dụ, nội dung *nóng* trong *nóng như lửa (đốt/cháy)* được Nguyễn Lục và Lương Văn Đang [6] miêu tả thành bốn ý:

- Nóng chảy, rất khó chịu: *Dọc đường chỉ thấy cỏ cháy xám, cây trơ trụi, xác chim, xác thú ngổn ngang. Cát bụi bay tung nóng như lửa.* (Nguyễn Huy Tường, *Truyện viết cho thiếu nhi*)
- Nóng ở nhiệt độ cao, người đang bị sốt: *Lượng sờ đầu Hoan - Chết chừa, đầu làm sao mà nóng như lửa đốt thế này.* (Nguyễn Thế Phương, *Đi bước nữa*)
- Tính tình rất nóng nảy, dễ nổi khùng: *Anh to lớn, tính nóng như lửa, đấu tranh rất hăng* (Trần Tử Bình, *Phú Riêng đỏ*)
- Sốt ruột, bồn chồn, không yên tâm: *Nghĩ đến con, lòng chị nóng như lửa cháy mà mặt chị thì tái lại* (Nguyễn Quang Sáng, *Chiếc lược ngà*)

### 3.1.2. Nội dung so sánh đóng được biểu đạt bằng động từ hoặc cụm động từ

Cũng giống như tính từ, động từ trong tiếng Việt là một trong những đơn vị ngôn ngữ có khả năng biểu đạt cao nhất. Chúng được dùng để chỉ hành động, trạng thái của người hoặc vật. Trong khối liệu thành ngữ so sánh được khảo sát, nội dung so sánh đóng chủ yếu được biểu đạt bằng động từ chỉ hành động (*ăn như rồng cuốn, bắn như vãi đạn, chạy như bay...*) và một số ít được biểu đạt bằng động từ chỉ trạng thái (*mê như điếu đổ, mừng như bắt được vàng, sợ như bò thấy nhà táng...*).

Động từ có khả năng kết hợp với tính từ, danh từ, động từ... để trở thành cụm động từ, và nội dung so sánh của thành ngữ so sánh cũng được biểu đạt bằng nhiều cụm động từ khác nhau: *ăn khỏe như thần trùng, chạy nhanh như gió, coi người như mề, đi lại như mắc cửi...*

Chúng tôi đã khảo sát 213 thành ngữ so sánh có nội dung so sánh đóng được biểu đạt bằng động từ hoặc cụm động từ. Kết quả khảo sát cho thấy có 106 nội dung so sánh đóng được thể hiện thông qua 213 thành ngữ. Cũng giống như nội dung so sánh đóng được biểu đạt bằng tính từ hoặc cụm tính từ, nội dung so sánh đóng được biểu đạt bằng động từ hoặc cụm động từ có thể được thể hiện qua một thành ngữ như *xoay* trong *xoay như chong chóng*, hai thành ngữ như *xua* trong *xua như xua ruồi* và *xua như xua tà*, và thậm chí là mười một thành ngữ như *ăn* trong *ăn như ăn cướp, ăn như chèo thuyền, ăn như gấu ăn trắng, ăn như hùm đỏ đỏ, ăn như mèo, ăn như mò khoét, ăn như rồng cuốn, ăn như tằm ăn rỗi, ăn như thần trùng, ăn như thợ đấu, ăn như thường luông*. Theo tỉ lệ trung bình thì cứ một nội dung so sánh biểu đạt bằng động từ hoặc cụm động từ được thể hiện thông qua 2,02 thành ngữ. Chỉ số này thấp hơn so với chỉ số trung bình của các nội dung so sánh được biểu đạt bằng tính từ và cụm tính từ.

Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy hầu hết nội dung so sánh được cụ thể hóa bằng đối tượng so sánh khác. Tuy nhiên, vẫn có những thành ngữ mà đối tượng so sánh lại cụ thể hóa chính nội dung so sánh: *xua như xua ruồi, chạy như chạy loạn, thúc như thúc tà, mong như mong mẹ về chợ...* Hiện tượng này không xảy ra đối với những thành ngữ so sánh có nội dung so sánh được biểu đạt bằng tính từ hoặc cụm tính từ.

Nội dung so sánh đóng của các thành ngữ được biểu đạt bằng động từ hoặc cụm động từ cũng có tính đồng nghĩa. Một nội dung có thể được biểu đạt bằng hơn một động từ hoặc cụm động từ đồng nghĩa như *vái* và *van* trong *vái như tế sao* và *van như tế sao*.

### 3.1.3. Nội dung so sánh đóng được biểu đạt bằng danh từ hoặc cụm danh từ

Nội dung so sánh đóng được biểu đạt bằng danh từ hoặc cụm danh từ chiếm số lượng khá hạn chế (8,22%). Ngoài một số ít nội dung so sánh đóng như *mặt nặng*, *mặt ngậy*, *mặt trơ* được thể hiện thông qua hai thành ngữ thì hầu hết nội dung so sánh đóng biểu đạt bằng danh từ hoặc cụm danh từ được thể hiện thông qua một thành ngữ. Chính vì điều này mà tỉ lệ trung bình của một nội dung so sánh đóng biểu đạt bằng danh từ hoặc cụm danh từ chỉ được thể hiện qua 1,2 thành ngữ. Một điều rất đặc biệt là rất nhiều nội dung so sánh đóng biểu đạt bằng danh từ hoặc cụm danh từ liên quan đến các bộ phận của cơ thể người như bụng, mặt, lòng, ruột, mắt, gan... Một số nội dung so sánh miêu tả đặc điểm của các bộ phận này như *mặt như chàm đỏ*, *mắt như mắt lợn luộc*, *mắt sắc như dao*... Hầu hết nội dung so sánh gắn với các bộ phận con người đều biểu đạt tâm trạng, thái độ, cảm xúc: *mặt nặng như chì*, *ruột nóng như cào*, *mắt như này lửa*, *bụng như mở cờ*...

### 3.2. Nội dung so sánh mở

Nội dung so sánh mở là nội dung so sánh không xuất hiện đồng thời với đối tượng so sánh và phương tiện so sánh. Nội dung so sánh mở được chia thành hai loại: nội dung so sánh mở không thể hiện ngôn và nội dung so sánh mở có thể hiện ngôn.

Bảng 3. Phân loại nội dung so sánh mở theo khả năng hiển ngôn

| TT | Nội dung so sánh mở                     | Số lượng thành ngữ | Tỉ lệ %    | Ví dụ   |
|----|---|--------------------|------------|---|
| 1  | Nội dung so sánh mở không thể hiện ngôn | 85                 | 75,9       | <i>như cá nằm trên thớt; như ếch vỗ hoa; như hùm mọc cánh; như nước đổ đầu vịt; như gió vào nhà trống; ...</i>                            |
| 2  | Nội dung so sánh mở có thể hiện ngôn    | 27                 | 24,1       | <i>(cãi nhau) như chó với mèo; (chạy) như cờ lông công (chắc) như đinh đóng cột; (lên) như điều gặp gió; (nhìn) bằng nửa con mắt; ...</i> |
|    | <b>Tổng</b>                             | <b>112</b>         | <b>100</b> |   |

Kết quả khảo sát từ Bảng 3 cho thấy nội dung so sánh mở không thể hiện ngôn có 85 thành ngữ, chiếm 75,9%. Nội dung so sánh mở có thể hiện ngôn có số lượng ít hơn nhiều so với nội dung so sánh mở không thể hiện ngôn, có 27 thành ngữ trong tổng số 112, chiếm 24,1%.

#### 3.2.1. Nội dung so sánh mở không thể hiện ngôn

Nội dung so sánh mở không thể hiện ngôn gắn với những thành ngữ so sánh chỉ xuất hiện phương tiện so sánh và đối tượng so sánh như *như cá nằm trên thớt*, *như ếch vỗ hoa*, *như hùm mọc cánh*... Nội dung so sánh của những thành ngữ so sánh này không thể hiện ngôn và nghĩa của thành ngữ thường gắn với hình ảnh biểu trưng. Thành ngữ *như nước đổ đầu vịt* là một ví dụ. Trong thành ngữ này, nội dung so sánh không xuất hiện đồng thời với đối tượng so sánh *nước đổ đầu vịt* và phương tiện so sánh *như*. Nội dung so sánh của thành ngữ này hoàn toàn ngầm ẩn và nghĩa của thành ngữ là “vô ích, không kết quả, không có tác dụng (việc làm, hoặc lời nói)” [6, tr.477]. Như vậy, hình ảnh biểu trưng “đổ nước vào đầu vịt, nước sẽ bị chuội đi vì tính chất không bám và thấm nước của lông vịt” mang đến nghĩa thành ngữ như trên. Trong số 112 thành ngữ so sánh có nội dung so sánh mở được khảo sát, chúng tôi thu được 85 thành ngữ so sánh có nội dung so sánh mở không thể hiện ngôn, chiếm 75,9%.

#### 3.2.2. Nội dung so sánh mở có thể hiện ngôn

Trên thực tế, nội dung so sánh của một số thành ngữ so sánh không xuất hiện nhưng có thể hiện ngôn. Thành ngữ *như chó với mèo* là một ví dụ. Nội dung so sánh của thành ngữ trên có thể hiện ngôn là “cãi nhau” như trong *Ai đã nói, cãi nhau như chó với mèo, từ nay câu nói đó không đúng* (Tô Hoài, *Mười năm*) [6] và có thể không hiển ngôn như trong *Dân làng ai cũng biết, nhiều người nói: bỏ con nhà nó như chó với mèo* (Tô Hoài, *Mười năm*) [6]. Như vậy, nội dung so sánh mở của thành ngữ so sánh thông thường không xuất hiện trong thành ngữ nhưng ở một số trường hợp chúng có thể hiện ngôn như *chạy* từ

*như cờ lông công, chắc từ như đình đóng cột, lên từ như điều gặp gió...* Tất nhiên, khi nội dung so sánh mở hiện ngôn được sử dụng trực tiếp với đối tượng so sánh và phương tiện so sánh, chúng ta có thể coi chúng là nội dung so sánh đóng.

Chúng tôi đã khảo sát 112 thành ngữ so sánh có nội dung so sánh mở và thu được 27 nội dung so sánh mở có thể hiện ngôn (24,1%). Nội dung so sánh mở có thể hiện ngôn thành động từ/cụm động từ như (*nhìn*) *bằng nửa con mắt*, (*cãi nhau*) *như chó với mèo*, (*chạy*) *như cờ lông công*, tính từ/cụm tính từ như (*béo*) *như bò sứt cạp*, (*bờ ngõ*) *như chim chích lạc vào rừng*, (*oang oang*) *như lệnh vỡ...* hay danh từ như (*thé*) *như vũ bão*.

#### 4. Kết luận

Nội dung so sánh của thành ngữ so sánh tiếng Việt xuất hiện ở hai dạng: đóng và mở; trong đó, nội dung so sánh đóng phổ biến hơn và được biểu đạt bằng nhiều đơn vị ngôn ngữ khác nhau như tính từ, động từ, danh từ... Nội dung so sánh đóng được biểu đạt bằng tính từ hoặc cụm tính từ chiếm số lượng lớn nhất và được thể hiện qua số lượng trung bình thành ngữ cao nhất. Nội dung so sánh mở được phân thành hai loại: nội dung so sánh mở có thể hiện ngôn và nội dung so sánh mở không thể hiện ngôn. Trong thực tế sử dụng, mặc dù có thể hiện ngôn nhưng thường xuyên không xuất hiện đồng thời với phương tiện và đối tượng so sánh nên nội dung so sánh này của thành ngữ được xếp vào nội dung so sánh mở. Như vậy, nội dung so sánh của thành ngữ so sánh tiếng Việt được thể hiện khá đa dạng cả về hình thức và nội dung biểu đạt. Kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở cho các nghiên cứu so sánh đôi chiều giữa tiếng Việt và ngôn ngữ khác về thành ngữ, đặc biệt là thành ngữ so sánh.

#### NGŨ LIỆU KHẢO SÁT

1. Hoàng Văn Hành, *Thành ngữ học tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội, 2008.
2. Nguyễn Lâm, *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam*, Nxb Văn học, 2003.
3. Nguyễn Lực & Lương Văn Đăng, *Thành ngữ tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội, 2009.
4. Tiêu Hà Minh, *Đi tìm điển tích thành ngữ*, Nxb Thông Tấn, 2007.
5. Nguyễn Như Ý, *Từ điển thành ngữ tiếng Việt phổ thông*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

##### Tiếng Việt

1. Nguyễn Công Đức, *Bình diện cấu trúc hình thái - ngữ nghĩa của thành ngữ tiếng Việt*, Luận án tiến sĩ, Viện Ngôn ngữ học, 1995.
2. Đặng Nguyên Giang, *Một số yếu tố chi phối sự hình thành của thành ngữ trong tiếng Anh và tiếng Việt*, Từ điển học và Bách khoa thư, Số 12 (254), tr.93-97, 2016
3. Hoàng Văn Hành, *Kế chuyên thành ngữ, tục ngữ*, Nxb Khoa học xã hội, 2002.
4. Hoàng Văn Hành, *Thành ngữ học tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội, 2008.
5. Trần Thị Lan, *Phương thức dịch các thành ngữ nhận xét đánh giá con người giữa các ngôn ngữ Việt - Anh - Nga*, Luận án tiến sĩ, Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.
6. Nguyễn Lực & Lương Văn Đăng, *Thành ngữ tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội, 2009.
7. Tiêu Hà Minh, *Đi tìm điển tích thành ngữ*, Nxb Thông Tấn, 2007.
8. Hà Quang Năng, *Đặc điểm về so sánh trong thành ngữ so sánh tiếng Việt*, Trang nghiên cứu ngôn ngữ, Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 2020.
9. Trương Đông San, *Thành ngữ so sánh trong tiếng Việt*, Ngôn ngữ, Số 1, tr.1-5, 1974.
10. Bùi Khắc Việt, *Thành ngữ đối trong tiếng Việt*, trong *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt về mặt từ ngữ*, Nxb Khoa học xã hội, 1981.

##### Tiếng Anh

11. Đặng Nguyên Giang, *Idioms in English and Vietnamese*, Vietnam National University Press, Hanoi, 2018.
12. Nguyễn Văn Trào, *Emotion Expressing Idioms in English and Vietnamese: A Contrastive Analysis*, Unpublished doctoral dissertation, The University of Queensland, Australia, 2009.